

Gốm men trắng thời Lê Trung hưng khu di tích Hoàng thành Thăng Long: Đặc trưng và giá trị

Phạm Thị Oanh*

Nhận ngày 15 tháng 8 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 14 tháng 10 năm 2023.

Tóm tắt: Gốm sứ thời Lê Trung hưng nói chung, gốm men trắng nói riêng chưa được nghiên cứu chuyên sâu như đồ gốm của các thời kỳ khác. Bài viết lần đầu tiên công bố các vấn đề về loại hình, các đặc trưng của sưu tập gốm men trắng thời Lê Trung hưng phát hiện tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long, từ đó làm rõ vai trò, giá trị của nó đối với đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội đương đại và Hoàng cung Thăng Long nói riêng; đồng thời góp phần làm sáng rõ lịch sử phát triển nghề thủ công gốm sứ, lý giải cho sự vắng bóng của đồ gốm Ngự dụng, sự xuất hiện của đồ gốm có nguồn gốc từ các lò ngoại vi Thăng Long tại Hoàng thành trong thời kỳ này.

Từ khóa: Gốm thời Lê Trung hưng, Hoàng thành Thăng Long, gốm men trắng.

Phân loại ngành: Khảo cổ học

Abstract: Ceramics in the period of Lê Trung hưng in general and white glazed ceramics in particular has not received as much attention as that of other period. This article for the first time publishes issues about the type and characteristics of the white-glazed ceramic collection of the Lê Trung hưng period discovered at the Thăng Long Imperial Citadel relic site, thereby clarifying its role and value for with contemporary economic, cultural and social life and Thăng Long Royal Palace in particular; At the same time, it contributes to clarifying the history of the development of ceramic crafts, explaining the absence of Ngự dụng (Imperial) ceramics and the appearance of ceramics originating from kilns on the outskirts of Thăng Long in the Imperial Citadel during this period.

Keywords: Lê Trung hưng period ceramics, Thăng Long Imperial Citadel, white glazed ceramic.

Subject classification: Archaeology

1. Mở đầu

Phát hiện khảo cổ học tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long tạo bước ngoặt quan trọng minh chứng lịch sử tồn tại 1.300 năm của Kinh đô Thăng Long dưới lòng đất tại khu trung tâm Ba Đình - Thủ đô Hà Nội ngày nay. Bên cạnh dấu tích các công trình kiến trúc, khu di tích đã tìm thấy một số lượng rất lớn các loại hình di vật, gồm: vật liệu kiến trúc, đồ gốm sứ, đồ sành, đồ kim loại... có niên đại kéo dài từ thời Đại La, Đinh - Tiền Lê đến thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn. Đồ gốm sứ có số lượng rất lớn, rất phong phú về chất lượng, loại hình và nguồn gốc, gồm: đồ gốm Việt Nam, Trung Quốc, Nhật Bản, Tây Á và châu Âu, trong đó nhiều và phổ biến nhất là đồ gốm Việt Nam.

Từ thời Lý, Trần, Lê sơ, đồ gốm sứ Việt Nam sử dụng trong Hoàng cung được sản xuất tại Thăng Long (lò Quan) và các lò ngoại vi Thăng Long, trong đó một bộ phận đồ gốm có chất lượng cao được nhận định là đồ dùng của các tầng lớp trên. Đặc biệt, thời Lê sơ tính phẩm cấp thể hiện rõ ràng với một số lượng lớn đồ gốm cao cấp, gốm Ngự dụng đối lập rõ rệt với đồ gốm bình dân qua chất lượng, hoa văn trang trí (Bùi Minh Trí, 2012; 2015; 2021). Đến thời Lê Trung hưng khái niệm đồ gốm Ngự dụng dường như rất mờ nhạt, vắng bóng sản phẩm của lò Quan, xuất hiện nhiều sản phẩm có xuất xứ

* Viện Nghiên cứu Kinh thành, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: phamoanh1712@gmail.com

từ các lò gốm Bắc Việt Nam như: Hải Dương, Bát Tràng, Hưng Yên, Bắc Ninh. Đồ gốm Việt Nam thời Lê Trung hưng thế kỷ XVII-XVIII phát hiện tại khu di tích có số lượng lớn, đa dạng về loại hình với các dòng men cơ bản: men trắng, men nâu, hoa lam, trong đó đồ gốm men trắng là dòng gốm chủ đạo có số lượng lớn nhất, nhiều loại hình nhất, đặc sắc về tạo hình.

Đồ gốm sứ Việt Nam thời Lê Trung hưng nói chung chưa có nhiều công trình chuyên sâu mới chỉ được nghiên cứu ở một góc độ nhỏ thuộc quá trình phát triển của lò, khu vực sản xuất gốm như: *Gốm Bát Tràng thế kỷ XIV-XIX* của tác giả Phan Huy Lê, Nguyễn Đình Chiển, 1995; *Các trung tâm sản xuất gốm sứ cổ ở Hải Dương* của tác giả Hà Văn Cận (Viện Khảo cổ học, 2000), *Gốm Hợp Lễ trong phức hợp gốm sứ thời Lê* của tác giả Bùi Minh Trí (Viện Khảo cổ học, 2001), *Gốm hoa lam Việt Nam* của tác giả Bùi Minh Trí và Kerry Nguyễn Long năm 2001, *Gốm Phù Lãng* của tác giả Trương Thị Minh Hằng năm 2005.

Sưu tập gốm men trắng Việt Nam thời Lê Trung hưng tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long đã được giới thiệu trong một số công trình nghiên cứu như: *Thăng Long - Hà Nội, Lịch sử nghìn năm dưới lòng đất* của tác giả Tống Trung Tín, Bùi Minh Trí xuất bản năm 2010, *Những khám phá khảo cổ học dưới lòng đất nhà Quốc hội* của tác giả Bùi Minh Trí năm 2016, tuy nhiên những sưu tập này mới chỉ giới thiệu một số hiện vật tiêu biểu nhằm minh chứng cho hoạt động của đời sống Hoàng cung trong giai đoạn lịch sử này (Tống Trung Tín - Bùi Minh Trí, 2010; Bùi Minh Trí, 2016) chưa nghiên cứu sâu về loại hình, đặc trưng...

Từ kết quả nghiên cứu chỉnh lý đồ gốm Việt Nam thời Lê Trung hưng tại khu di tích diễn ra năm 2015-2017, đã có một số bài viết công bố trên *Kinh thành cổ Việt Nam* như: *Gốm Phù Lãng trong Hoàng cung Thăng Long từ kết quả nghiên cứu năm 2015-2016* năm 2017; *Đồ gốm sứ Hải Dương trong hoàng cung Thăng Long thời Lê Trung hưng* năm 2018.

Tổng hợp các tư liệu nói trên cho thấy, cho đến nay vẫn chưa có công trình nghiên cứu chuyên sâu về đồ gốm men trắng Việt Nam thời Lê Trung hưng tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long. Vì vậy, bài viết này đi sâu nghiên cứu về loại hình, đặc trưng và những giá trị của đồ gốm men trắng thời Lê Trung hưng tìm được tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long nhằm góp phần làm rõ hơn vai trò của đồ gốm trong đời sống kinh tế, xã hội đương thời cũng như trong Hoàng cung.

Sưu tập gốm men trắng được nghiên cứu ở đây không bao gồm đồ gốm lò Phù Lãng (Bắc Ninh) do chúng được phân loại thành dòng gốm riêng bởi tính khác biệt.

2. Loại hình

Gốm men trắng vốn là dòng nổi tiếng ngay từ buổi khai sinh với những tiêu bản gốm thời Lý rất đặc sắc, tinh xảo phát hiện tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long đã đạt đến trình độ sản xuất của sứ, khiến cho nhiều người nhầm lẫn là đồ gốm sứ thời Tống của Trung Quốc (Bùi Minh Trí, 2012). Tiếp nối từ thời Lý đến thời Trần, Lê sơ, gốm men trắng không còn những sản phẩm cao cấp, tinh mỹ như thời Lý nhưng vẫn chiếm vị trí dòng gốm chủ đạo với số lượng lớn và phong phú về loại hình cùng phong cách trang trí biến đổi theo thời gian. Gốm men trắng thời Mạc, Lê Trung hưng mang đặc trưng riêng rất dễ nhận biết bởi tính mộc mạc, dân dã bỏ qua hết tất cả truyền thống trang trí có từ trước trở về với phong cách thuần túy lấy tạo hình làm chủ đạo.

Sưu tập gốm men trắng Việt Nam thời Lê Trung hưng phát hiện tại Hoàng thành Thăng Long có số lượng lớn với 319.833 hiện vật, chiếm 65% tổng hiện vật gốm, rất phong phú về loại hình với 13 loại: bát, đĩa, chén, đĩa đèn dầu, bình vôi, ông nhỏ, nậm rượu, điếu bát, bình, lọ nhỏ, đồ chơi, nắp, đồ gốm mini..., trong đó bát, đĩa, chén chiếm số lượng chủ yếu. Chúng được sản xuất từ các lò gốm dân gian nổi tiếng ở Bắc Việt Nam như: Hải Dương, Bát Tràng, Hưng Yên, trong đó phổ biến và có số lượng lớn là đồ gốm Hải Dương (Bảng 1).

Bảng 1: Bảng kê số lượng các loại hình đồ gốm men trắng, thời Lê Trung hưng, thế kỷ XVII-XVIII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long

TT	Loại hình	Số lượng (hiện vật)					Tổng cộng
		Nguyên	Đủ dáng	Miệng	Thân	Đáy	
1	Bát	19	12.187	42.251	29.895	99.523	183.875
2	Đĩa	7	7.386	12.261	2.104	27.965	49.723
3	Chén	17	1.220	584	81	897	2.799
4	Đĩa đèn dầu		31	4		50	85
5	Bình vôi		22		874	223	1.119
6	Ống nhỏ		14	45	166	73	298
7	Nậm rượu		19	134	599	499	1.251
8	Điều bát		5	158	536	589	1.288
9	Bình			9	5	44	58
10	Lọ nhỏ	5	29	41	118	267	460
11	Nắp	5	1	9			15
12	Đồ chơi				25	5	30
13	Đồ gốm mini		5	3	2	5	15
14	Mảnh vỡ nhỏ không xác định loại hình			32.898	35.143	10.776	78.817
	Tổng	53	20.919	88.397	69.548	140.916	319.833

Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh thành

2.1. Bát

Bát có nhiều loại, nhiều kiểu dáng và chất lượng khác nhau, được nghiên cứu xác định là sản phẩm của nhiều lò gốm như: Bình Giang (Hải Dương), Bát Tràng (Hà Nội), Xích Đằng (Hưng Yên), trong đó chiếm số lượng lớn là sản phẩm của trung tâm gốm Bình Giang. Bát men trắng thời kỳ này có xu hướng biệt đối mạnh về hình dáng với các đặc điểm như: thành thấp, chân đế rất thấp và rộng, không trang trí hoa văn, phổ biến với kiểu miệng thẳng, một số ít miệng vê tạo gờ khác hẳn với dáng thành cao, chân đế cao và nhỏ, phổ biến kiểu miệng loe như các thời trước. Bát có 3 dáng cơ bản: (1) thân cong đứng, thành cao hoặc thấp; (2) thân vát hoặc hơi cong vát, thành thấp; (3) thân vát thành cao, kích thước trung bình: đường kính miệng từ 6,8-16 cm, đường kính đáy từ 3,1-12,8 cm, cao từ 3,3-12,7 cm (Hình 1a, b).

2.2. Đĩa

Tương tự như bát, đĩa mang một phong cách riêng với các đặc điểm như: thành thấp hoặc rất thấp, lòng rộng, phổ biến kiểu miệng thẳng, một số ít có miệng hơi bê loe, chân đế rất thấp, rộng, đặc biệt phổ biến loại hình đáy thụt, rất phổ biến kiểu phủ men phần thân trên và trong lòng, thân dưới và chân đế không phủ men. Đĩa có các dáng cơ bản như: thân vát hoặc cong vát; thân cong khum đều với sự phong phú về chất liệu, kích cỡ, một số ít đĩa có thân gập cấp. Trên cơ sở nghiên cứu hình dáng, kỹ thuật sản xuất và chất liệu cho thấy đĩa cũng có nguồn gốc đa dạng như bát (Hình 1c).

Hình 1. Gốm men trắng, thế kỷ XVII-XVIII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long



a. Bát

b. Bát hai màu men

c. Đĩa

Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh Thành

2.3. Đĩa đèn dầu

Đĩa đèn dầu phần lớn được sản xuất tại trung tâm gốm Bình Giang và một số sản xuất tại Bát Tràng. Đĩa đèn Bình Giang rất giống đĩa đèn dầu thời Trần với dáng đĩa không có phần gài bắc, thân thấp, thành xiên vát, nông lòng, miệng thẳng, mép miệng vuốt tròn, chân đế rất thấp và rộng, đáy thụt và có xương rất dày với mục đích tạo độ chịu nhiệt cao, có kích thước nhỏ với đường kính miệng từ 9,2-9,5 cm, đường kính đáy 4,8 cm, cao từ 2-2,4 cm. Bên cạnh đó, thời kỳ này xuất hiện loại đĩa đèn hình chiếc chén nhỏ có thân cầu dẹt, thành thấp, thân cong đều miệng khum, mép miệng vuốt gần tròn, đế bằng mở rộng tạo thắt eo ở phần giáp thân và đế, giữa lòng tạo phần gài bắc hình ống có khoét khe luồn bắc, trong lòng và thân trên phủ men màu trắng ngà vàng, nhẵn, sáng bóng, bề mặt men rạn rất nhỏ, thân dưới, đế không phủ men, xương gốm dày, màu đỏ gạch hoặc xám đen có lẫn hạt bột màu trắng. Dựa vào chất liệu xương gốm và màu men, loại đĩa đèn này được xác định là sản phẩm đặc trưng của lò gốm Bát Tràng. Đĩa đèn có kích thước trung bình: đường kính miệng từ 5,4-6,2 cm, đường kính đáy từ 3,6-3,7 cm, chiều cao từ 2,95-3,4 cm (Hình 2).

Hình 2. Đĩa đèn dầu gốm men trắng, thế kỷ XVII-XVIII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long



Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh Thành

2.4. Chén

Chén thời Lê Trung hưng phần lớn là các loại chén có kích cỡ rất nhỏ, còn được dân gian gọi là chén “mắt trâu”, nghĩa là nó chỉ to bằng mắt con trâu, có kích thước trung bình: đường kính miệng từ 4,5-7,4 cm, đường kính đáy từ 2,6-4,6 cm, cao từ 1,9-4,6 cm. Nghiên cứu về chất liệu xương và men cho thấy, phần lớn các loại chén thời kỳ này được sản xuất chủ yếu ở các lò gốm Bình Giang, một số ít hơn là sản phẩm của lò Bát Tràng.

Chén khá phong phú về hình dáng và chất liệu song đều mang phong cách rất riêng như: thành thấp, phổ biến dáng thân trụ và thân cong tròn đều miệng thẳng với phong cách phủ men một phần thân trên và trong lòng, thân dưới và chân đế không phủ men (Hình 3).

Hình 3. Chén, nậm rượu gốm men trắng, thế kỷ XVII-XVIII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long



Nguồn: Bùi Minh Trí

2.5. Nậm rượu

Tục uống rượu vốn có truyền thống từ rất lâu đời cho nên đồ gốm sứ dùng để đựng và uống rượu cũng xuất hiện từ rất sớm. Ở mỗi thời kỳ, đồ gốm này có phong cách riêng và thường có tính kế thừa. Song thời Lê Trung hưng dường như không kế thừa các thời kỳ trước mà có sự xuất hiện của nậm rượu có kích thước nhỏ bé và tạo hình khác biệt. Nậm rượu men trắng phần lớn có nguồn gốc từ lò Hợp Lễ (Hải Dương), kích thước trung bình: đường kính miệng từ 2-8 cm, đường kính đáy từ 5-8,6 cm, cao từ 7,5-16 cm, có 2 loại cơ bản sau; loại có hình dáng và hoa văn trang trí đẹp, cổ thấp, miệng loe ngang, thân phình rộng, chân đế hơi chوãi, đáy khoét lõm tạo chân đế trong, vai trang trí đắp nổi 4 bông cúc nhỏ hoặc u tròn, dọc thân khắc rãnh tạo múi nổi; loại thứ hai không trang trí hoa văn, miệng nhỏ và thẳng, cổ cao, thân thon, đáy khoét lõm tạo chân đế trong. Một số ít nậm rượu có dáng bình tỳ bà (Phạm Thị Oanh, 2018) (Hình 3).

2.6. Bình vôi

Thời Lê Trung hưng, tục ăn trầu rất phổ biến không chỉ trong dân gian mà cả trong Hoàng cung Thăng Long. Tại khu di tích đã tìm thấy khá nhiều loại bình vôi và dụng cụ ăn trầu như ống nhổ, dao bô cau... phản ánh tính phổ biến của tục ăn trầu trong giai đoạn này.

Bình vôi tìm thấy ở khu di tích, xét về đặc trưng kỹ thuật và màu men thì chủ yếu được sản xuất lại là Cậy (Hải Dương). Đây là loại bình vôi có kích thước trung bình: đường kính miệng từ 1,4-2,1 cm, đường kính đáy từ 4,6-8,4 cm, cao từ 7,3-16,8 cm. Bình vôi hình cầu, đầu đắp nổi bông hoa cúc nhỏ hoặc u tròn, thân khoét lỗ tròn nhỏ để lấy vôi, gắn quai hình tua cau với các chi tiết trang trí tỉ mỉ, tinh xảo, chân đế tiện, nhiều hình dáng khác nhau, thành ngoài để để mộc hoặc trang trí vẽ đường chỉ màu nâu, men phủ dày và khá đa dạng, gồm: men trắng, men trắng điểm trang trí các màu khác như xanh lục, xanh lam, nâu sẫm (Phạm Thị Oanh, 2018) (Hình 4b).

2.7. Ống nhổ

Ống nhổ thời kỳ này cũng có những biến đổi về tạo hình. Ngoài dáng truyền thống thân hình cầu, miệng loe rộng được bảo lưu ở nhiều triều đại, thời này xuất hiện ống nhổ có tạo hình độc đáo cùng kích thước nhỏ bé với thân hình trụ, thấp, miệng loe rất rộng, đế thụt, đường kính miệng 13, đường kính đáy từ 8,1-8,4 cm, chiều cao từ 7,3-11,5 cm (Hình 4c). Ống nhổ có xương gốm màu đỏ hoặc xám đen, xốp, men dày, màu trắng ngà vàng là đặc trưng rất điển hình của lò gốm Bát Tràng và chỉ tồn tại ở thời kỳ này.

Ống nhổ thân cầu có 3 loại: (1) thân cầu tròn, cổ cao trung bình, chân đế tiện; (2) thân cầu dẹt tròn mập, cổ rụt, miệng vát; (3) thân cầu tròn, cổ cao. Chúng có kích thước trung bình: đường kính miệng từ 13-15 cm, đường kính đáy từ 6,2-10,7 cm, cao: 11-12 cm, được sản xuất tại Bát Tràng và Trung tâm gốm Bình Giang với những đặc trưng về kỹ thuật, màu men và xương gốm khác biệt.

2.8. Điều bát

Điều bát là loại hình chỉ xuất hiện từ sau thế kỷ XVII khi tục hút thuốc lờ du nhập vào nước ta. Tại khu di tích phát hiện được tương đối nhiều điều bát men trắng cho thấy tục hút thuốc lờ đã phổ biến trong Hoàng cung. Xét về đặc trưng kỹ thuật, hình dáng, chất liệu men và xương gốm cho thấy những điều bát này có nguồn gốc sản xuất từ trung tâm gốm Bình Giang và Bát Tràng.

Loại điều được sản xuất tại Bát Tràng rất thấp, dáng tròn mập, thân chia thành hai phần, phần trên hình bán cầu khoét 2 lỗ tròn, thân dưới hình cầu phình rộng, giữa tạo thắt, đế thụt. Loại điều bát sản xuất tại Bình Giang có dáng cao, thon, thân dưới xiên vát, chân đế tiện, thấp và rộng, đáy khoét lõm. Điều bát có kích thước trung bình: đường kính miệng 2,5 cm, đường kính đáy từ 7,4-8,4 cm, cao từ 8,0-13 cm (Hình 4a).

Hình 4. Đồ gốm men trắng, thế kỷ XVII-XVIII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long



a. Điếu bát



b. Bình vôi



c. Ông nhỏ

Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh Thành

2.9. Bình

Bình men trắng có số lượng ít, phần lớn bị vỡ mảnh, kích thước nhỏ đường kính miệng từ 6,6-10,4 cm, đường kính đáy từ 6,1-11,2 cm, nhưng khá đa dạng về hình dáng như: (1) loại bình có cổ thắt, miệng nhỏ; (2) loại cổ cao, hẹp, miệng loe rộng; (3) loại cổ thấp, miệng loe vát; (4) loại cổ cao, miệng rộng, loe vát. Bình thời kỳ này phổ biến dáng thân đứng, chân đế thụt, rộng. Nghiên cứu về kỹ thuật, chất liệu men và xương cho thấy phần lớn chúng được sản xuất tại trung tâm gốm Bình Giang.

2.10. Lọ

Lọ tuy có số lượng nhỏ nhưng còn nhiều hiện vật nguyên dáng, tạo hình đa dạng và khác lạ so với các thời kỳ trước, chủ yếu được sản xuất tại Bình Giang và số ít sản xuất tại Bát Tràng. Phổ biến nhất là loại lọ có hình dáng giống bình thu nhỏ, với thân cao, cổ cao từ 1/3 đến 1/4 chiều cao của thân, miệng rộng, mép vê tạo gờ, chân đế thụt, dạng chân tiện rất rộng. Loại lọ này ngoài công năng thông dụng dùng đựng dược liệu, hóa mỹ phẩm thì còn được dùng để đựng vôi ăn trầu. Một số ít lọ có dáng hình cầu, đáy bằng, miệng rộng. Lọ có kích thước trung bình: đường kính miệng: 2,3-3,6 cm, cao: 3,6-7,6 cm, đường kính đáy: 2,4-5,3 cm (Hình 5c).

2.11. Nắp

Nắp có số lượng ít nhưng phong phú về hình dáng, ngoài dáng rất phổ biến ở các thời kỳ khác như: thân vát, thân cong có núm hoặc không có núm, gờ miệng thấp, nhỏ thì thời Lê Trung hưng xuất hiện loại nắp khá đặc biệt có thân phẳng, miệng cao, không có núm, vành miệng vuốt tròn, hoặc hơi loe vát. Kích thước trung bình: đường kính miệng từ 5,95-6,7 cm, cao từ 3,45-3,7 cm (Hình 5a).

2.12. Đồ chơi

Đồ chơi là những mảnh gốm tròn được ghè đẽo từ loại hình bát, đĩa, đường kính từ 2-3 cm, men màu trắng ngà vàng, hoặc trắng ngà xanh, xương gốm dày trung bình, màu trắng đục, đánh chắc (Hình 5a). Trên cơ sở liên hệ với các trò chơi dân gian ngày nay có khả năng những hiện vật này là đồ chơi trong trò đánh đáo hoặc ô ăn quan. Các mảnh gốm tương tự như vậy có niên đại thời Lý, Trần, Lê sơ cũng được phát hiện tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long cho chúng ta thấy tính phổ biến của nó trong Hoàng cung Thăng Long.

Hình 5. Đồ gốm men trắng, thế kỷ XVII-XVIII, khu di tích Hoàng thành Thăng Long



a. Nắp (trên),
đồ chơi (dưới)

b. Lọ nhỏ mni

c. Lọ nhỏ đựng vôi

d. Bình mini

Nguồn: Viện Nghiên cứu Kinh thành

2.13. Đồ gốm mini

Tại khu di tích phát hiện được một số đồ gốm men trắng có kích thước rất nhỏ. Đó là nậm rượu hình hồ lô, bình, lọ nhỏ có thể được sử dụng với chức năng khác:

1 tiêu bản nậm rượu hình hồ lô, thân cong tạo hai tầng giạt cấp, miệng loe, cổ hình trụ cao và nhỏ, đế bằng, phần giữa thân và đế thắt eo, thân ngoài phủ men dày màu trắng ngà vàng, nhẵn, sáng, bề mặt men rạn, một phần thân giáp đế và đáy không phủ men. Xương gốm dày, màu trắng đục, đánh chắc, kích thước: đường kính miệng 2 cm, đường kính đáy 2,8 cm, cao 7,2 cm.

1 tiêu bản bình men trắng nhỏ đủ dáng được phục nguyên. Bình dáng con tiện, miệng rộng, loe, mép miệng vuốt tròn bề gập ngoài, cổ cao vuốt loe vát, thân hình cầu phình rộng ở trên thon dần xuống dưới, đế bằng, mờ rộng, phần giáp thân và đế tạo thắt eo, mép đế vuốt vát, bên trong, thân dưới, chân đế và đáy không phủ men, thân trên phủ men màu trắng ngà vàng, nhẵn, sáng bóng, bề mặt men rạn nhỏ, xương gốm dày, màu trắng, đánh chắc, có kích thước: đường kính miệng 6,6 cm, đường kính đáy 6,1 cm, cao 8,9 cm (Hình 5d).

13 hiện vật lọ nhỏ mini, thân cầu hoặc thân hình củ tỏi, đáy bằng hoặc tạo chân đế, miệng loe, rộng, mép miệng vuốt gân nhọn, đáy không phủ men, trong và ngoài phủ men dày, màu trắng ngà xanh, nhẵn, sáng bóng, bề mặt men rạn nhỏ, xương gốm màu trắng xám, hoặc trắng đục, đánh chắc, kích thước: đường kính miệng từ 2,3-2,6 cm, đường kính đáy từ 2,4-3,2 cm, cao 3,6 cm (Hình 5b).

3. Đặc trưng

3.1. Biến đổi về loại hình và tạo hình

Về loại hình, đồ gốm men trắng Việt Nam thời Lê Trung hưng phát hiện tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long có số lượng loại hình phong phú với 13 loại, trong khi dòng gốm hoa lam là 7 loại hình, men nâu có 8 loại hình, trong từng loại hình lại rất đa dạng về loại kiểu.

Trên cơ sở nghiên cứu, so sánh với sưu tập gốm men trắng từ thời Lý, Trần, Lê sơ phát hiện tại khu di tích có thể thấy dòng gốm men trắng luôn là dòng gốm chủ đạo với loại hình phong phú biến đổi theo thời gian tạo nên nét đặc trưng của thời đại. Thời Lý - Trần, gốm men trắng phong phú đặc sắc về loại hình với nhiều sản phẩm chất lượng cao sánh ngang gốm Trung Quốc thời Tống, trong đó đặc sắc nhất là các loại hình mang đậm dấu ấn Phật giáo như: hộp, đĩa đài, mô hình tháp, đến thời Lê sơ phong phú hơn với sự xuất hiện phổ biến loại hình bình hoa, bình rượu, tước,

lư hương, nghiên mực mang dấu ấn Nho giáo. Thời Lê Trung hưng vắng bóng loại hình âu, chậu, vò vốn rất phổ biến từ trước, loại hình bình cũng có số lượng không nhiều, kích cỡ nhỏ. Loại hình chiếm chủ đạo của thời này là bát, đĩa cùng đồ dùng sinh hoạt khác như: lọ, nậm rượu, bình vôi, ống nhổ, ... xuất hiện loại hình mới là điều bát.

Liên hệ nghiên cứu so sánh với các sưu tập gốm men trắng thời Lê Trung hưng, thế kỷ XVII-XVIII tại Bảo tàng Lịch sử Quốc gia và Bảo tàng Hà Nội cho thấy tại khu di tích vắng bóng những sản phẩm đồ gốm men trắng đẹp như: chân đèn, đỉnh, lư hương, bình lớn và long đình men trắng điểm men xanh cùng bộ gốm thờ men trắng rạn nổi tiếng sản xuất tại Bát Tràng.

Như vậy, thời Lê Trung hưng ở dòng gốm men trắng có sự biến đổi mạnh về loại hình so với thời kỳ trước với xu hướng nghèo nàn và đơn điệu hơn, chủ yếu xuất hiện đồ dùng sinh hoạt thường ngày là những đồ gốm phổ biến rộng rãi ngoài dân gian.

Về tạo hình, đồ gốm men trắng nói riêng và đồ gốm thời Lê Trung hưng nói chung có sự bền vững về tạo hình tạo nên một phong cách riêng rất dễ nhận biết. Thời kỳ này, người ta không bắt gặp các đồ gốm có kích thước lớn như thời Lý, Trần, Lê sơ với những chiếc đĩa có đường kính trên 20 cm, chưa kể các loại đồ đựng như: chậu, thạp, âu, liễn, bình, ... Các loại hình đồ gốm có phong cách tạo hình đặc trưng của thời đại như: bát, đĩa, chén đều có thành thấp, phần lớn miệng thẳng, mép miệng vuốt tạo cạnh hoặc vê gập ngoài tạo gờ, chân đế rất thấp, rộng, đặc biệt phổ biến loại đế thụt. Bên cạnh đó, giai đoạn này xuất hiện nhiều loại hình đồ gốm có tạo hình độc lạ như ống nhổ thân trụ, lọ nhỏ có dáng bình thu nhỏ mà không bắt gặp ở các thời khác. Đặc biệt xuất hiện loại đĩa thân gập cấp theo phong cách đồ gốm Phúc Kiến thời Minh - Thanh ở Trung Quốc.

3.2. Chất liệu

Sưu tập gốm men trắng Việt Nam thời Lê Trung hưng phát hiện tại khu di tích có nguồn gốc khác nhau như trên đã đề cập, chính bởi vậy chúng có những đặc trưng mang tính đa dạng về chất liệu.

Đồ gốm men trắng Bình Giang phát hiện được tại khu di tích có chất liệu rất riêng. Khác với các đồ gốm men trắng Bát Tràng và Xích Đằng, gốm Bình Giang có chất lượng tốt hơn như: men trắng sáng, bề mặt nhẵn, xương gốm có màu trắng đục, men màu trắng ngả xanh, trắng ngả vàng, bề mặt gầy của xương mịn và đánh chắc hơn. Màu men của đồ gốm men trắng Hải Dương khá tương đồng với gốm men trắng thời Trần, nên rất khó để phân biệt khi vỡ nhỏ và nếu như không nghiên cứu sâu về chất liệu thì khó có thể nhận diện được.

Đồ gốm men trắng Bát Tràng có chất lượng kém hơn đồ gốm men trắng Bình Giang và khá giống với đồ gốm men trắng lò Xích Đằng, phổ biến là loại bát và đĩa phủ hai màu men, trong lòng và thân trên phủ men màu trắng ngả vàng, nhẵn, bề mặt men ít rạn, thân dưới, chân đế và đáy phủ men nâu xám hoặc xanh xám có đốm trắng, xương gốm màu đỏ phù sa, màu xám hoặc trắng vàng, mặt gầy xương gốm xốp. Ngoài ra còn có loại hình bát, đĩa, chén, phủ men màu trắng ngả xanh hoặc men màu trắng ngả vàng ở trong lòng và thân trên, thân dưới và đế không phủ men, nổi rõ hạt bột trắng dưới men, xương gốm màu trắng vàng, trắng xám có nhiều hạt bột trắng hoặc màu đỏ, xám. Một đặc trưng nữa của đồ gốm men trắng Bát Tràng là sự xuất hiện của men rạn với đặc trưng màu trắng kem, dày, rạn khe nhìn rõ xương gốm.

Bát và đĩa gốm men trắng lò Xích Đằng rất dễ nhầm lẫn với lò Bát Tràng nhưng qua điều tra nghiên cứu so sánh các chủng gốm dính phát hiện tại Xích Đằng và Hồng Châu, Hưng Yên và Bát Tràng, Kim Lan, trên cơ sở nghiên cứu sâu về chất liệu men và xương chúng tôi thấy có sự khác biệt. Đó là gốm Xích Đằng mặc dù tương đồng với gốm Bát Tràng về phong cách phủ hai màu men nhưng có đặc trưng là men dày, sáng bóng, có độ mịn, nhẵn và phủ đều hơn gốm lò Bát Tràng, xương gốm Xích Đằng cũng có màu đỏ sậm, đỏ phù sa, xám hoặc trắng vàng nhưng độ thiêu kết tốt, kết cấu các hạt trong xương nhỏ, mịn và đánh chắc hơn gốm lò Bát Tràng.

Trong sưu tập gốm men trắng có một số hiện vật mang “phong cách gốm Xích Đằng”, đồ gốm này có phong cách hai màu men giống như gốm Xích Đằng, nhưng không có sự tương phản rõ ràng của 2 màu men mà phần men phủ ở thân dưới và đáy có gam màu đậm hơn hoặc tối màu hơn một chút so với màu men ở phần thân trên và trong lòng. Xương của loại gốm này thường có màu trắng xám hoặc trắng vàng, lẫn nhiều hạt bột trắng nhỏ. Khi đi đều tra tại Bát tràng, Kim Lan và Hưng Yên tác giả đều bắt gặp loại gốm này và việc xác định nguồn gốc của chúng vẫn chưa có manh mối rõ ràng.

Về phong cách phủ men, thời kỳ này có những đặc trưng rất riêng. Đó là sự phổ biến của hình thức phủ men trong lòng và một phần thân, thân giáp đế và chân đế không phủ men; bên cạnh là phong cách phủ kín toàn thân và cả đáy. Đặc biệt xuất hiện hình thức phủ 2 màu men điển hình là các loại bát và đĩa sản xuất tại Bát Tràng và Xích Đằng, hình thức này không tồn tại ở thời sau nữa.

3.3. Kỹ thuật xếp nung và hoa văn trang trí.

Về kỹ thuật xếp nung, trong lịch sử gốm cổ Việt Nam, từ thời Lý đã sử dụng kỹ thuật xếp nung gián tiếp bằng con kê, hòn kê, trong đó con kê hình vành khăn không có mấu và con kê hình vành khăn có 5 mấu rất phổ biến, hình thức dùng bột chống dính chiếm chủ đạo, kỹ thuật ve lòng manh nha. Hình thức xếp nung kết hợp bột chống dính và hòn kê làm bằng bột chống dính được sử dụng nhưng không phổ biến. Thời Trần tiếp tục kế thừa thời Lý, phát triển mạnh hình thức xếp nung bằng con kê và ve lòng vào thế kỷ XIV, hình thức dùng bột chống dính chỉ tồn tại ở thế kỷ XIII. Thời Lê sơ, Mạc, vẫn sử dụng con kê nhưng đã cải tiến bằng con kê hình đĩa có gắn 3 mấu chân, xếp nung ve lòng được duy trì và xuất hiện phổ biến hình thức xếp nung úp miệng. Gốm men trắng thời Lê Trung hưng phổ biến hình thức xếp nung bằng con kê, hòn kê và ve lòng. Con kê được kế thừa từ thời Lê sơ là loại hình đĩa có gắn từ 3 đến 4 mấu chân tiết diện tròn, to. Hòn kê là những cục đất nhỏ kích cỡ khoảng 0,2-0,3 cm được gắn ở mép chân đế với 3 mấu ở loại hình bát và 4 mấu ở loại hình khác. Kỹ thuật ve lòng thời kỳ này có thể nói là đạt tới trình cao bởi độ chính xác của đường ve lòng với đường cạo nhỏ gọn từ 1-1,5 cm, đường kính ve lòng rộng, cạo nông và sắc nét tạo nên sự hoàn hảo giống như một hình thức trang trí sản phẩm.

Về hoa văn trang trí, sưu tập gốm men trắng Việt Nam thời Lê Trung hưng dường như rất đối dung dị với phần lớn hiện vật không trang trí hoa văn. Các hình thức trang trí như khắc chìm, in khuôn, vón được sử dụng rất phổ biến từ thời Lý, Trần, Lê sơ thì đến thời kỳ này lại vắng bóng, chỉ tồn tại kỹ thuật trang trí đắp nổi, ấn lõm, tạo khối ở loại hình bình vôi, nậm rượu, một số ít bình vôi được trang trí vẽ điểm màu lam hoặc xanh lá trên thân (Hình 4b). Hai loại hình nậm rượu và bình vôi men trắng được đánh giá là điểm nhấn trong nghệ thuật tạo hình và trang trí của thời này.

4. Những giá trị

Gốm sứ từ lâu được biết đến là tư liệu vật chất phản ánh chân thực nhất mọi khía cạnh từ đời sống vật chất, đời sống tinh thần, tôn giáo tín ngưỡng đến văn hóa xã hội đương thời. Sưu tầm gốm men trắng Việt Nam thời Lê Trung hưng tại khu di tích góp phần phản ánh khá sinh động nhiều phương diện.

4.1. Đồ gốm sinh hoạt

Sưu tập gốm men trắng phong phú về số lượng và loại hình phản ánh đời sống sinh hoạt phong phú. Loại hình bát, đĩa có số lượng lớn nhất, nhiều kiểu dáng kích cỡ và chất lượng cho thấy phần nào cơ cấu bữa ăn đa dạng. Bên cạnh phục vụ ăn uống, đồ gốm còn góp phần không nhỏ vào các hoạt động thường nhật như đồ đựng (bình, lọ) dùng trong không gian nhà bếp hay trong hoạt động y học với chức năng đựng thảo dược và khi khuất bóng mặt trời không thể thiếu những chiếc đĩa đèn dầu mang nguồn sáng phục vụ mọi sinh hoạt về đêm.

4.2. Đồ gốm liên quan đến phong tục tập quán

Tương tự các nước châu Á và Đông Nam Á, ở Việt Nam tục uống rượu, uống trà, ăn trầu, hút thuốc lào là nét đẹp văn hóa truyền thống Á Đông, là kết quả của sự giao thoa văn hóa khu vực.

Tục uống rượu được sử sách ghi chép có từ thời Hùng Vương. Cho đến ngày nay, uống rượu trở thành phong tục, tập quán phổ biến ở mọi tầng lớp, có mặt trong tất cả nghi lễ, các bữa tiệc, bữa ăn thường nhật.

Tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long, từ thời Đại La cho đến Lý, Trần, Lê, Nguyễn đều phát hiện được đồ gốm liên quan đến tục uống rượu với số lượng, hình dáng khác nhau. Thời Lê Trung hưng phát hiện được rất nhiều chén và nậm rượu gốm men trắng. Điều khá thú vị là đồ gốm dùng để uống rượu thời kỳ này rất khác với thời trước về kích cỡ và hình dáng. Sự xuất hiện của nậm rượu và các loại chén rất nhỏ cho thấy những thay đổi trong văn hóa uống rượu. Rượu không còn được rót, được uống một lượng lớn mà nhâm nhi từ từ thưởng thức và cụm từ “*bầu rượu, tui thơ*” có lẽ xuất phát từ đây. Trong không gian đẹp, vừa thưởng thức hương vị của rượu, vừa ngắm cảnh sắc thơ mộng đem đến cảm xúc thi ca dào dạt. Rượu được nâng tầm không đơn thuần là thức uống mà thành thức dẫn của mọi cảm xúc, là thú vui tao nhã của các nhà Nho. Cũng có thể rượu mới bình phải mới tức là có sự thay đổi cả nội dung và hình thức, phải chăng kỹ thuật chưng cất rượu tiến bộ hơn tạo ra hương vị cay nồng nhanh ngấm, nhanh say để rồi phải uống từng chút một thay vì loại rượu ủ bằng men lá không qua chưng cất như rượu cần của các dân tộc thiểu số có hương vị êm nhẹ, thưởng thức một lần được một lượng lớn mà không dễ say. Tất cả vẫn là dấu hỏi chằm chằm cần phải đầu tư nghiên cứu làm sáng rõ hơn.

Bên cạnh đó, tục ăn trầu, hút thuốc Lào cũng là nét văn hóa đẹp của dân tộc Việt và đồ gốm sứ phục vụ ăn trầu, hút thuốc kiến tạo nên những thành tựu cho nghề thủ công gốm sứ vốn ra đời để đáp ứng nhu cầu của con người. Theo *Lĩnh Nam trích quái*, tục ăn trầu có từ thời Văn Lang với tích trầu cau thăm đăm chữ tình: tình nghĩa phu thê, tình anh em gắn bó keo sơn (Đào Duy Anh, 2003). Trầu, cau gắn bó với người Việt trong tất cả sinh hoạt từ các nghi lễ tôn giáo, tín ngưỡng, cưới hỏi, ma chay đến đời sống thường nhật.

Tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long, những bằng chứng của tục ăn trầu thời Lê Trung hưng là một số lượng khá lớn bình vôi và ống nhỏ men trắng được tìm thấy. Bình vôi thời Lê Trung hưng có sự cầu kỳ trong tạo hình và trang trí khác hẳn với các thời trước (Hình 4b). Bên cạnh bình vôi, tại đây còn phát hiện được khá nhiều lọ nhỏ gốm men trắng trong lòng đựng vôi (Hình 5c). Điều này chứng minh người xưa sử dụng đồ gốm rất linh hoạt phù hợp với từng hoàn cảnh, môi trường sống.

Không giống như tục ăn trầu và uống rượu vốn xuất hiện từ rất sớm, tục hút thuốc Lào xuất hiện muộn hơn rất nhiều. Tục này du nhập vào nước ta từ thế kỷ XVII (Lê Quý Đôn, 1973: 361-362). Bằng chứng khảo cổ học cho thấy loại hình điếu bát hút thuốc Lào chỉ xuất hiện từ thế kỷ XVII trở về sau. Điếu bát gốm men trắng có số lượng đáng kể cho thấy tục hút thuốc Lào rất phổ biến cả trong dân gian và trong Hoàng cung.

4.3. Đồ gốm liên quan đến tôn giáo tín ngưỡng

Không chỉ có vai trò quan trọng trong đời sống sinh hoạt, đồ gốm sứ còn có vai trò trong đời sống tôn giáo, tín ngưỡng. Với quan niệm *đương sao âm vậy*, người ta quan niệm các thánh thần hay những người đã khuất cũng phải ăn uống sinh hoạt như người sống nên trong các nghi lễ thờ cúng không thể thiếu thực phẩm, hoa quả. Chính vì vậy đồ gốm thờ bao gồm tất cả đồ gốm phục vụ cho việc thờ cúng từ lư hương, bát hương, chân đèn, bát bồng đến các loại vốn là vật dụng sinh hoạt hàng ngày như bát, đĩa, cốc, chén, bình hoa, lọ, ấm... dùng để đựng lễ vật như cơm, xôi, thịt, chè, rượu...

Gốm thờ thời Lê Trung hưng nổi tiếng với các loại lư hương, chân đèn gốm men trắng lò Bát Tràng và Hải Dương hiện đang lưu giữ tại bảo tàng Lịch sử Quốc Gia và Bảo tàng Hà Nội nhưng tại Hoàng thành Thăng Long lại vắng bóng. Như vậy sưu tập gốm men trắng trong vai trò đồ gốm thờ chỉ dùng lại ở những đồ gốm vừa dùng trong sinh hoạt vừa đựng lễ vật khi thờ cúng.

Bên cạnh đó, tại khu di tích phát hiện được 1 hiện vật nậm rượu và 1 bình men trắng mini, xét về công năng không thể sử dụng chúng trong sinh hoạt hàng ngày vì kích thước quá nhỏ bé cho nên có khả năng đây là đồ tùy táng hoặc đồ thờ cúng trong một không gian nhỏ.

Ngoài ra, tại khu di tích phát hiện 10 hiện vật lọ nhỏ men trắng thân hình cầu, đáy bằng hoặc tạo chân đế, miệng rộng. Nghiên cứu so sánh cho thấy khả năng những hiện vật này là đồ đựng thức ăn cho chim. Bằng chứng cho thấy thú chơi chim trong Hoàng cung có từ thời Lý đó là một số công sành đang được trưng bày tại tầng hầm Nhà quốc hội. Thời Nguyễn cũng phát hiện được một số tiêu bản công bằng gốm hoa lam có lỗ để luồn dây. Từ đó cho thấy thú chơi chim có lẽ tồn tại ở nhiều triều đại và trở thành một phần không thể thiếu trong quy hoạch không gian sân vườn Hoàng gia.

5. Kết luận

Như vậy, sưu tập gốm men trắng Việt Nam thời Lê Trung hưng tại khu di tích Hoàng thành Thăng Long đa dạng, phong phú về số lượng, loại hình. Đồ gốm men trắng có nguồn gốc như: Bình Giang (Hải Dương), Bát Tràng (Hà Nội), Xích Đằng (Hung Yên) với những đặc trưng riêng tạo nên sự phong phú, đa dạng nhưng rất đồng dung dị, mang màu sắc dân dã mất đi tính phẩm cấp cao quý vốn có từ thời Lý, Trần, Lê sơ. Tuy nhiên giống như tấm gương phản chiếu hiện thực xã hội, tất cả những đặc điểm đó phản ánh một cách trung thực nhất thực trạng của một triều đại khi vua không còn thực quyền, đất nước chia cắt bởi các thế lực cát cứ, nội chiến liên miên, nội lực kinh tế sa sút. Cho nên việc duy trì sản xuất gốm sứ tại kinh thành cùng với những quy tắc, chuẩn mực về tính phẩm cấp ở đồ gốm sứ Việt Nam trong Hoàng cung thời này dường như không còn nữa, yếu tố dân gian đã tràn vào cung đình và dần dần chiếm ưu thế. Yếu tố này bắt đầu xuất hiện từ thời Mạc, đến thời Lê Trung hưng tiếp tục kế thừa và đẩy mạnh hơn (Bùi Minh Trí, 2000).

Sự xuất hiện phổ biến của các đồ gốm đến từ vùng đồng bằng Bắc Bộ như Bình Giang (Hải Dương), Bát Tràng (Hà Nội), Xích Đằng (Hung Yên) cho thấy một bức tranh nghệ gốm với những biến động thể hiện ở việc phát triển mạnh mẽ các lò ngoại vi Thăng Long thay thế vai trò của trung tâm sản xuất gốm Thăng Long vốn nức tiếng xưa kia.

Sưu tập gốm men trắng cho thấy một cái nhìn đa chiều không chỉ phản ánh thực tế xã hội với những thay đổi về chính trị mà còn cho thấy rõ đời sống tinh thần, xu hướng thẩm mỹ, nghệ thuật đương đại hướng tới sự bình dị, dân dã, tính vương quyền, thần quyền mờ nhạt, đồng thời phản ánh chiều sâu của một đời sống sinh hoạt, tôn giáo, tín ngưỡng, phong tục, tập quán phong phú mà sử sách có thể chưa đề cập đến.

Tài liệu tham khảo

- Bùi Minh Trí. (2012). *Gốm Việt Nam thời Lý. Khảo cổ học*. Số 1.
- Bùi Minh Trí. (2015). *Gốm Thăng Long thời Lê sơ và vai trò của nó trong đời sống Hoàng cung Thăng Long. Thông báo khoa học*. Viện Nghiên cứu Kinh thành. Nxb. Khoa học xã hội.
- Bùi Minh Trí. (2016). *Những khám phá khảo cổ học dưới lòng đất Nhà Quốc hội*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Bùi Minh Trí. (2000). *Gốm Hợp Lễ trong phức hợp gốm sứ thời Lê*. [Luận án Tiến sỹ Lịch sử. Trường Khoa học Xã hội và Nhân văn].
- Bùi Minh Trí - Kerry Nguyễn Long. (2001). *Gốm hoa lam Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội.
- Bùi Minh Trí. (2021). *Đồ gốm sứ ngự dụng trong Hoàng cung Thăng Long thời Lê sơ (thế kỷ XV-XVI). Kỷ yếu tọa đàm khoa học Quốc tế*. Viện Nghiên cứu Kinh thành.
- Đào Duy Anh. (2003). *Việt Nam văn hóa sử cương*. Nxb. Văn hóa Thông tin.
- Lê Quý Đôn. (Tạ Quang Phát dịch). (1973). *Văn đài loại ngữ*. Nxb. Tủ sách cổ văn - Ủy ban dịch thuật phủ quốc vụ khanh.
- Phạm Thị Oanh. (2018). *Đồ gốm sứ Hải Dương trong hoàng cung Thăng Long thời Lê Trung hưng. Kinh thành cổ Việt Nam*. Viện Nghiên cứu Kinh thành. Nxb. Khoa học xã hội.
- Tống Trung Tín - Bùi Minh Trí. (2010). *Thăng Long - Hà Nội, Lịch sử nghìn năm từ lòng đất*. Nxb. Khoa học xã hội.